

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 14-01-2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Văn Công Trọn**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:**  
Bà **Vũ Ánh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 296/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Ái D**, sinh năm 1989 (Có mặt), trú tại: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1980 (Vắng mặt), trú tại: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Trần Thị T** (Vắng mặt), trú tại: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1947 (Vắng mặt).

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1949 (Vắng mặt).

Bà **Huỳnh Ái K**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà **Huỳnh Ái N**, sinh năm 1973 (Vắng mặt), trú tại: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1978 (Vắng mặt), trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ông **Huỳnh Văn U**, sinh năm 1991 (Vắng mặt), trú tại: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Huỳnh U E**, sinh năm 1992 (Vắng mặt), trú tại: Ấp 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà **Huỳnh Ái D** trình bày: Ngày 23/6/2018, bà và ông L có lập 02 “Giấy cầm cố nhà và đất”, bà có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của ông L số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình vay, bà có trả tiền gốc cho ông L số tiền 50.000.000 đồng và đóng lãi cho ông L đến tháng 02/2020 thì ngưng. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông L trả bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng ý trả tiền gốc cho ông L số tiền 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông **Nguyễn Tấn L** trình bày: Ngày 23/6/2018, ông và bà D có lập 02 “Giấy cầm cố nhà và đất”, bà D có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của ông số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình vay, bà D có trả tiền gốc cho ông được số tiền 50.000.000 đồng và đóng lãi đến tháng 02/2020 thì ngưng. Nay, bị đơn đồng ý trả bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D và bà D phải trả tiền gốc số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 02/2020 đến tháng 09/2020 bằng  $100.000.000 \text{ đồng} \times 4.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} = 28.000.000 \text{ đồng}$ .

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nguyên đơn bà D có mặt và tự nguyện trả thêm cho ông L tiền lãi từ tháng 02/2020 đến ngày 14/01/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền 19.477.000 đồng ( $0,83\%/\text{tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} 14 \text{ ngày}$ ).

#### **\*/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ái D, hủy 02 “Giấy cầm cố nhà và đất” ngày 23/6/2018, buộc bà D trả cho ông L số tiền 119.477.000 đồng, buộc ông L trả cho bà D bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đề nghị xử lý theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, đồng thời đương sự có nơi cư trú tại Huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do, Nguyễn Tấn L, Trần Thị T, Huỳnh Thanh V, Nguyễn Thị T, Huỳnh Ái K, Huỳnh Văn D, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Ái N, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn U, Huỳnh U E (Vắng mặt phiên tòa lần thứ 2). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Ngày 23/6/2018, bà D và ông L có lập 02 “Giấy cầm cố nhà và đất”, theo đó bà D chỉ thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có thế chấp nhà, đất) cho ông L để vay số tiền 150.000.000 đồng là thực tế. Quá trình vay, bà D có trả tiền gốc cho ông L được 50.000.000 đồng (còn lại 100.000.000 đồng) và bà D đóng lãi cho ông L đến tháng 02/2020 thì ngưng. Tại Biên bản hòa giải ngày 18/9/2020, bà D và ông L thống nhất số tiền gốc, nhưng có tranh chấp khoản tiền lãi số tiền 28.000.000 đồng (từ tháng 02/2020 đến tháng 9/2020 ông L yêu cầu bà D trả), nhưng bà D không đồng ý. Tại phiên tòa, bà D có mặt, ông L vắng mặt, nhưng bà D tự nguyện trả thêm cho ông L tiền lãi từ tháng 02/2020 đến ngày 14/01/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền 19.477.000 đồng ( $0,83\%/tháng \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng}$  14 ngày). Xét, đây là sự tự nguyện của bà D, cần ghi nhận sự tự nguyện này. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, hủy 02 “Giấy cầm cố nhà và đất” ngày 23/6/2018, buộc bà D trả cho ông L tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 19.477.000 đồng, tổng cộng 119.477.000 đồng, buộc ông L trả cho bà D bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 200.000 đồng (số tiền này bà D đã dự nộp), nhưng tại phiên tòa bà D tự nguyện chịu số tiền này và không có yêu cầu ông L trả. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện này của bà D (bà D đã nộp xong).

[5] Về án phí: Bà D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 5.973.850 đồng (119.477.000 đồng x 5%), trừ số tiền 2.500.000 đồng bà D dự nộp tại biên lai thu tiền số 0004054 ngày 23/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, bà D còn phải nộp tiếp số tiền 3.473.850 đồng.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điều 463; 466; 468; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ái D, hủy 02 “Giấy cầm cố nhà và đất” ngày 23 tháng 6 năm 2018, buộc bà Huỳnh Ái D trả cho ông Nguyễn Tấn L số tiền 119.477.000 đồng (bằng chữ: Một trăm mười chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng); “Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả”.

Buộc ông Nguyễn Tấn L trả cho bà Huỳnh Ái D bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 309735 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp tên hộ bà Huỳnh Ái D ngày 10/10/2008 và bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 706273 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp đứng tên Võ Hoàng B ngày 14/9/2008 (trong giấy được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Văn Thời điều chỉnh đăng ký biến động ngày 08/10/2008, có ghi chú: Thửa số 50 đã chuyển nhượng cho hộ bà Huỳnh Ái D theo Hợp đồng số: 41, quyền số 01TP/CC-SCT/HĐGD ngày 12/9/2008).

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Ái D về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 200.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Ái D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 5.973.850 đồng, trừ số tiền 2.500.000 đồng bà D dự nộp tại biên lai thu tiền số 0004054 ngày 23/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, bà D còn phải nộp tiếp số tiền 3.473.850 đồng (bằng chữ: Ba triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Ái D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Tấn L, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Thanh V, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Ái K, ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Văn Đ, bà Huỳnh Ái N, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn U, ông Huỳnh U E được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn; Bị đơn; NCQLNVLQ (12b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
 (Đã ký)

**Lâm Thành Quang**